TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **202/**2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10/5/2022
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Tiến Lợi,** Bà **Nguyễn Thị Luận**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Vũ Thị Dịu** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 134/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị X, sinh năm 1969 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT và cư trú: Tổ 14, phường Quyết T, thành phố SL, tỉnh SL.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phượng T, sinh năm 1963 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi ĐKHKTT và cư trú: Xóm G, thôn ML, xã ML, huyện CM, Tp. HN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà X và ông Nguyễn Phượng T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 01/4/1994 tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện CM, tỉnh HT (nay là thành phố HN). Do cuộc sống khó khăn nên sau khi kết hôn được 5 tháng ông, bà đưa nhau lên SL để làm ăn buôn bán, vợ chồng sinh sống trên SL được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung và ông T đã bỏ về quê tại CM để sinh sống từ 1996 cho đến nay, đồng thời chúng tôi cũng ly thân từ đó cho đến nay. Nay vợ chồng sống xa nhau, tình cảm không còn, đề nghị Tòa án cho được ly hôn

Về con chung: bà X và ông T có 01 con chung là Nguyễn Văn T, sinh năm 1995. Hiện con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai, bị đơn ông Nguyễn Phượng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T xác nhận ông và bà Trần Thị X tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 01/4/1994 tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện CM, tỉnh HT (nay là thành phố HN). Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu nhưng từ năm 1996 đến nay vợ chồng sống ly thân, bà X ở SL còn tôi sống ở CM, do vậy tình cảm vợ chồng không còn, nay bà X có đơn xin ly hôn tôi nhất trí

Về con chung: Ông T xác nhận ông và bà X có 01 con chung là Nguyễn Văn T, sinh năm 1995. Hiện con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, công nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3.Ý kiến khác của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án: Hai bên đều có đơn đề nghị không tiến hành Hòa giải, đồng thời xin vắng mặt trong quá trình tố tụng, xét xử vụ án và vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Phượng T cư trú tại xã ML, huyện CM, Tp. HN. Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Phượng T, bà Trần Thị X đã được tống đạt hợp lệ: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị X kết hôn với ông Nguyễn Phượng T trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 01/4/1994 tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện CM, tỉnh HT (nay là thành phố HN) nên hôn nhân giữa bà Xuyến và ông T là hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của bà X, ông T và kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân cho thấy: Trong quá trình chung sống giữa bà X, ông T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người

một nơi từ hơn 20 năm qua. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà X, ông T đồng ý. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà X và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của bà X xin ly hôn với ông T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

2.2. Về con chung: bà X, ông T xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Văn T, sinh năm 1995. Hiện con chung đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất hay tâm thần, không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Bà X và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về án phí: Bà X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị X được ly hôn ông Nguyễn Phượng T.

2. Về con chung: bà X, ông T có 01 con chung là Nguyễn Văn T, sinh năm 1995. Hiện con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Bà X và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Trần Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0075777 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, Tp. HN.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị X, ông Nguyễn Phượng T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
- Đương sự;
- TAND Tp. HN;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- UBND xã ML, huyện CM, Tp. HN (Trường hợp án có HLPL);

- *Lưu HSVA – VP.*

Nguyễn Việt Dũng